



Số: 54/2022/QĐ - DSST

Hà Đông, ngày 11 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211 và Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 47/2022/TLST- DSST ngày 20 tháng 5 năm 2022

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Số .. L, phường T, Q. C, TP H

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đức – Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Khiếu Ngọc Sáng.

Bị đơn: + Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1988.

ĐKKH: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T.

Chỗ ở: Căn hộ 1905, CT2, dự án khu nhà ở B, phường Y, quận H, H.

+ Chị Võ Thị H, sinh năm 1994.

ĐKKH: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Căn hộ 1905, CT2, dự án khu nhà ở B, phường Y, quận H, H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1988.

ĐKHK: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T.

Chỗ ở: Căn hộ 1905, CT2, dự án khu nhà ở B, phường Y, quận H, H.

2. Chị Võ Thị H, sinh năm 1994.

3. Cháu Nguyễn Linh Chi, sinh ngày 12/6/2018

4. Cháu Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 29/3/2020

ĐKHK: Thôn Cù Tu, xã Xuân Trúc, huyện An Thi, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở: Căn hộ ..., CT., dự án khu nhà ở B, phường Y, quận H, H.

Đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Linh Chi, sinh ngày 12/6/2018 và cháu Nguyễn Minh Khôi, sinh ngày 29/3/2020 là anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1988; ĐKHK: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T; Chỗ ở: Căn hộ ..., CT... , dự án khu nhà ở B, phường Y, quận H, H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Mạnh T và chị Võ Thị H xác nhận có kí hợp đồng tín dụng 714194.18.054.2005999.TD ngày 19/01/2018, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LT118016000200.ST01/L01802434674 ngày 23/01/2018 và hợp đồng cho vay số 843475.19.054.2005999.TD ngày 19/3/2019; đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LT119070000401.ST01/LD1908165618 ngày 21/3/2019 với Ngân hàng TMCP Q.

Anh Nguyễn Mạnh T và chị Võ Thị H xác nhận tạm tính đến ngày 30/6/2022, Anh Nguyễn Mạnh T và chị Võ Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là tổng số tiền là 784.266.811 đồng trong đó nợ gốc 732.437.478 đồng; nợ lãi trong hạn là 49.093.402 đồng; lãi quá hạn là 1.358.751 đồng; phạt chậm trả lãi 1.377.180 đồng.

Anh T, chị H cam kết thanh toán trả toàn bộ tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Q theo lộ trình trả nợ như sau:

- + Ngày 29/7/2022 thanh toán trả 10.000.000 đồng;
- + Ngày 31/8/2022 thanh toán trả 10.000.000 đồng;
- + Ngày 30/9/2022 thanh toán trả 10.000.000 đồng;
- + Ngày 31/10/2022 thanh toán trả nốt tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi.

Số tiền anh T, chị H thanh toán trả ngân hàng, được ưu tiên trừ vào tiền nợ gốc.

Kể từ ngày 01/7/2022 anh T, chị H tiếp tục chịu lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết.

Trường hợp anh T, chị H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào nêu trên cho Ngân hàng TMCP Qthì Ngân hàng TMCP Qcó quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản là căn hộ chung cư 1905, tòa CT 2, khu nhà ở Bộ Tư Lệnh Thủ đô, diện tích sàn 90,6m² tại địa chỉ nhà CT 2, dự án khu nhà ở Bộ tư lệnh Thủ đô, phường Y, quận H, H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP089143, số vào sổ cấp GCN: CS 58697 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/2018 mang tên anh Nguyễn Mạnh T và chị Võ Thị H theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 01981.2019/HĐTC, quyền số 01 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/3/2019 tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố H để thu hồi nợ;

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản là căn hộ chung cư 1905, tòa CT 2, khu nhà ở Bộ Tư Lệnh Thủ đô, diện tích sàn 90,6m² tại địa chỉ nhà CT 2, dự án khu nhà ở Bộ tư lệnh Thủ đô, phường Y, quận H, H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP089143, số vào sổ cấp GCN: CS 58697 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/2018 mang tên anh Nguyễn Mạnh T và chị Võ Thị H theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 01981.2019/HĐTC, quyền số 01 TP/CC- SCC/HĐGD ngày 14/3/2019 tại Văn phòng công chứng Đ, thành phố H để đảm bảo việc thi hành án.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Mạnh T, chị Võ Thị H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm thừa thì phải trả lại cho chủ tài sản.

- Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Võ Thị H tự nguyện nộp cả tiền án phí là 17.685.336 đồng.

Trả lại Ngân hàng TMCP Quân Đ số tiền 18.267.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010119 ngày 20/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA ĐS quận Hà Đông;
- Các đ- ơng sự
- L- u hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
Thẩm phán

Nguyễn Thị Kiểm